

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **14/2025/HS-PT**
Ngày: 20 - 01 - 2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyền;

Các Thẩm phán: 1. Bà Lê Thị Hồng Tâm.

2. Bà Nguyễn Thanh Nhân.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thắm – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Minh Hiếu – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17, 20 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 245/2024/TLPT-HS ngày 13 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo Phan Đức D và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 106/2024/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị cáo có kháng cáo.

1. Phan Đức D (Tên gọi khác Duy Đ), sinh ngày 14/9/2006, tại tỉnh Tiền Giang; Số căn cước công dân: 082206010496; Hộ khẩu thường trú: ấp G, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú hiện nay: ấp G, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam; Con ông: Phan Văn H, sinh năm 1982 và bà: Phan Thị Hồng N, sinh năm 1987; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự, tiền án: không; Về nhân thân: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 03/01/2024 cho đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tấn T: luật sư Nguyễn Văn D1 – Đoàn luật sư tỉnh T. Có mặt

2. Phạm Đăng K, sinh ngày 03/10/2006, tại tỉnh Tiền Giang; Số căn cước công dân: 082206014319; Hộ khẩu thường trú: ấp B, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú hiện nay: ấp B, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo:

không; Giới tính: Nam; Con ông: Phạm Văn Ú, sinh năm 1965 và bà: Đào Thị Thu H1, sinh năm 1970; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự, tiền án: không; Về nhân thân: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/01/2024 cho đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

* Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Phạm Đăng K: Ông Phạm Văn Ú, sinh năm 1965 và bà Đào Thị Thu H1, sinh năm 1970 là cha và mẹ của bị cáo Phạm Đăng K. (có mặt bà H1, vắng mặt ông Ú)

Cùng cư trú: Ấp B, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Ngô Trọng N1, sinh ngày 03/11/2004, tại tỉnh Tiền Giang; Số căn cước công dân: 082204008202; Hộ khẩu thường trú: ấp B, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú hiện nay: ấp B, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam; Con ông: Ngô Thanh L, sinh năm 1971 và bà: Ngô Thị T1, sinh năm 1978; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự, tiền án: không; Về nhân thân: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 03/01/2024 cho đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

4. Nguyễn Tấn T, sinh ngày 26/02/2007, tại tỉnh Tiền Giang; Số căn cước công dân: 082207003640; Hộ khẩu thường trú: ấp P, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú hiện nay: ấp P, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam; Con ông: Nguyễn Hoàng N2, sinh năm 1980 và bà: Trần Thị Bích T2, sinh năm 1983; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự, tiền án: không; Về nhân thân: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 03/01/2024 cho đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

* Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Tấn T: Ông Nguyễn Hoàng N2, sinh năm 1980 và bà Trần Thị Bích T2, sinh năm 1983 là cha và mẹ của bị cáo Nguyễn Tấn T. (ông N2 có mặt, bà T2 vắng mặt)

Cùng cư trú: Ấp P, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tấn T: Ông Phạm Minh Đ1 – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T. (có mặt).

Ngoài ra, bản án còn có 08 bị cáo khác, đại diện hợp pháp của các bị cáo không có kháng cáo.

Bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ ngày 10/08/2023, Trần Văn K1, sinh năm 2005, nơi cư trú ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang cùng nhóm bạn gồm: Nguyễn Duy T3, sinh năm 2006, nơi cư trú: ấp B, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang; Phạm Nguyễn Quốc V, sinh năm 2003, nơi cư trú: ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang; Ngô Hoàng H2, sinh năm 2007, nơi cư trú: ấp B, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang; Nguyễn Văn Minh T4, sinh năm 2005, nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T và nhóm bạn đến quán nước giải khát không tên của chị Đoàn Thị Huyền T5, sinh năm 1988, nơi cư trú: khu phố C, phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang để uống nước. Lúc này, Lê Tấn H3, sinh năm 2005, nơi cư trú ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang và Phan Đức D, sinh năm 2006, nơi cư trú ấp G, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang, biết được nhóm của K1 đang ở quán nước nên rủ nhau đến đánh nhóm của K1 do có mâu thuẫn trước đó.

Tại nhà của Nguyễn Phước L1, sinh năm 2007, nơi cư trú khu phố C, phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang gồm có Phước L1, D, H3, Hồ Tiến P, sinh năm 2007, nơi cư trú ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang bàn bạc cùng nhau rủ thêm người đi đánh nhóm của K1. Tại đây, Lê Tấn H3 điện thoại cho Phạm Đăng K, sinh năm 2006, nơi cư trú: ấp B, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nguyễn Phước L1 và Phạm Đăng K điện thoại cho Lê Viết Huỳnh Phúc K2, sinh 2004, nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Phan Đức D điện thoại cho Nguyễn Minh S, sinh năm 2005, nơi cư trú: ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang kêu rủ thêm Nguyễn Thành L2, sinh năm 2005, nơi cư trú: ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang, đi đánh nhau thì mọi người đồng ý.

Khi nghe điện thoại xong, Phạm Đăng K rủ thêm Trương Thái D2, sinh năm 2006, nơi cư trú: ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nguyễn Tấn P1, sinh năm 2007, nơi cư trú: khu phố B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nguyễn Văn Khánh D3, sinh năm 2008, nơi cư trú: ấp D, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Phan Đại V1, sinh năm 2007, nơi cư trú: ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang; Đỗ Chí B, sinh năm 2007, nơi cư trú: ấp I, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (B rủ thêm Võ Hoàng S1, sinh 2008, nơi cư trú: ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nguyễn Hoàng P2, sinh năm 2009, nơi cư trú: ấp E, xã L, huyện C, tỉnh tiền G và Lê Nhật L3, sinh năm 2009, nơi cư trú: ấp A, xã L, huyện C, tỉnh tiền G); Nguyễn Hải H4, sinh năm 2003, nơi cư trú: ấp B, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang (H4 rủ thêm Ngô Trọng N1, sinh năm 2004, nơi cư trú: ấp B, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang).

Tất cả gặp nhau tại cầu T thuộc ấp P, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang rồi cùng nhau đi đến quán nước của chị T5 tại phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Trên đường đi thì V1 bỏ về, Võ Hoàng S1 và Lê Nhật L3 đi lạc. Khi đi, H3 và Đức D về phòng trọ tại phường E, thị xã C lấy áo khoát, lấy đoạn gỗ rồi chạy đến sau.

Khi cả nhóm điều khiển xe mô tô chạy ngang Công viên L thuộc địa phận phường A, thị xã C thì Minh S, Thành L2 đứng đợi thấy cả nhóm chạy đến nên chạy theo. Nguyễn Tấn T, sinh năm 2007, nơi cư trú: ấp P, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang và Dương Huy H5, sinh 2007, nơi cư trú: ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang đang có mặt tại Công viên, do quen biết Đỗ Chí B, đoán biết là cả nhóm đi đánh nhau nên T và H5 chạy theo cả nhóm.

Cả nhóm đến dốc cầu C thuộc địa phận phường B, thị xã C thì gặp đoạn đường đang thi công, phía trước một trại hòm có nhiều đoạn gỗ tạp, trong nhóm có người nói “Lấy cây đi”, những người ngồi phía sau trên xe mô tô bước xuống lấy các đoạn gỗ mang theo để làm hung khí đánh nhau. Cả nhóm di chuyển đến quán nước giải khát của chị T5 tìm đánh nhóm của K1. Cụ thể như sau:

- Hồ Tiến P điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Phước L1, P và L1 mỗi người cầm 01 đoạn gỗ đuổi đánh nhóm của K1 nhưng không đánh được ai.

- Ngô Trọng N1 điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Hải H4. H4 dùng đoạn gỗ đánh trúng 01 người, dùng chân phải trúng 01 người khác và rượt đuổi những người còn lại.

- Nguyễn Tấn T điều khiển xe mô tô chở Phạm Đăng K, K cầm 01 đoạn gỗ đánh trúng 02 người và rượt đuổi những người bỏ chạy. T đá 02 cái trúng 01 người.

- Lê Viết Huỳnh Phúc K2 điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Văn Khánh D3, mỗi người lấy 01 đoạn gỗ đuổi đánh nhóm của K1 bỏ chạy, K2 dùng đoạn gỗ đánh trúng 01 người 01 cái.

- Trương Thái D2 điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Tấn P3. D2 dùng tay chân đánh, đá nhiều cái trúng 01 người. Tấn P3 cầm 01 đoạn gỗ đánh trúng 02 người, rượt đuổi những người bỏ chạy.

- Nguyễn Hoàng P2 điều khiển xe mô tô chở Đỗ Chí B. B cầm cây rượt đuổi những người bỏ chạy, dùng chân đá 01 người.

- Nguyễn Thành L2 điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Minh S đến nơi cả hai dùng tay đánh một người. Sau đó, Minh S lấy một đoạn gỗ ném bẻ kính cửa của anh Lê Anh D4 (chồng chị T5), sinh năm 1978, nơi cư trú: khu phố C, phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Dương Huy H5 điều khiển xe một mình đến hiện trường đứng xem, không tham gia đánh nhau.

- Phan Đức D điều khiển xe mô tô chở Lê Tấn H3 trên đường đến hiện trường thì ghé phòng trọ lấy áo khoát, lấy đoạn gỗ nên chạy đến sau. Khi chạy trên cầu C thì thấy nhóm bạn đã đuổi đánh nhóm của K1, Đức D và H3 tiếp tục chạy đến hiện trường để tham gia đánh nhóm của K1 nhưng do nhóm của K1 đã bỏ chạy nên không đánh được ai.

Sau khi đánh nhóm của K1 thì các đối tượng trên ném các đoạn gỗ xuống Sông B và khu vực xung quanh hiện trường.

Hậu quả: Trần Văn K1, Nguyễn Văn Minh T4, Phạm Nguyễn Quốc V, Nguyễn Duy T3 và Ngô Hoàng H2 bị đánh gây thương tích nhưng có đơn từ chối giám định tỷ lệ thương tật, không yêu cầu xử lý hình sự.

Vật chứng thu giữ:

- 04 đoạn (thanh) gỗ nhiều kích cỡ.
- Tạm giữ của Lê Tấn H3 02 dao tự chế.
- Tạm giữ của Trần Văn K1 05 mũi chĩa và dao tự chế.
- Tạm giữ của Nguyễn Văn H6, sinh ngày 06/12/2006, nơi cư trú: ấp M, xã M, thị xã C 02 dao tự chế.
- Tạm giữ của Nguyễn Hải H4 một xe mô tô nhãn hiệu HONDA VARIO mang biển kiểm soát 63P1 - 572.69.
- Tạm giữ của anh Nguyễn Hoàng N2 (cha của T), sinh năm 1980, nơi cư trú: ấp P, xã L, thị xã C một xe mô tô nhãn hiệu HONDA VARIO mang biển kiểm soát 63B2 - 812.50.
- Tạm giữ của anh Nguyễn Hoàng T6 (cha của P2), sinh năm 1986, nơi cư trú: ấp P, xã L, thị xã C một xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS mang biển kiểm soát 63P1 - 580.80.
- Tạm giữ của anh Hồ Hoàn T7 (cha của Tiến P), sinh năm 1977, nơi cư trú: ấp D, xã T, huyện C một xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS mang biển kiểm soát 63G1 - 004.50.
- Tạm giữ của anh Nguyễn Văn N3 (cha của Thành L2), sinh năm 1973, nơi cư trú: ấp M, xã L, thị xã C một xe mô tô nhãn hiệu HONDA AIRBLADE mang biển kiểm soát 63B2 - 557.81.
- Tạm giữ của anh Trương Văn V2 (cha của D2), sinh năm 1963, nơi cư trú: ấp A, xã C, huyện C một xe mô tô nhãn hiệu HONDA VARIO mang biển kiểm soát 63B2 - 872.79.

Xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C đã tiến hành trao trả tài sản cho chủ sở hữu như sau:

- + Trao trả cho anh Nguyễn Hoàng N2 một xe mô tô hiệu HONDA VARIO mang biển kiểm soát 63B2 - 812.50.
- + Trao trả cho anh Nguyễn Hoàng T6 một xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS mang biển kiểm soát 63P1 - 580.80.
- + Trao trả cho anh Hồ Hoàn T7 một xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS mang biển kiểm soát 63G1 - 004.50.
- + Trao trả cho anh Nguyễn Văn N4 một xe mô tô nhãn hiệu HONDA AIRBLADE mang biển kiểm soát 63B2 - 557.81.
- + Trao trả cho anh Trương Văn V2 một xe mô tô nhãn hiệu HONDA VARIO mang biển kiểm soát 63B2 - 872.79.

- Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành bàn giao 09 dao, cây chĩa tự chế đến Công an thị xã C xử phạt theo thẩm quyền.

Kết luận định giá tài sản số 28 ngày 21/03/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã C kết luận giá trị tài sản bị hủy hoại của chị Đoàn Thị Huyền T5 anh Lê Anh D4 là 160.000 đồng.

Kết luận giám định số 259 ngày 28/02/2024 của Phòng K3 Công an tỉnh T kết luận: Mẫu vật gửi giám định ký hiệu từ A1 đến A9 là vũ khí tự chế, không rõ nguồn gốc, xuất xứ và thuộc danh mục vũ khí có tính năng, tác dụng tương tự vũ khí thô sơ. Sử dụng mẫu vật gửi giám định ký hiệu từ A1 đến A tấn công con người, có thể gây ra thương tích hoặc chết người.

Trách nhiệm dân sự: Trần Văn K1, Nguyễn Văn Minh T4, Phạm Nguyễn Quốc V, Nguyễn Duy T3 và Ngô Hoàng H2 không yêu cầu bồi thường dân sự. Anh Lê Anh D4 bị thiệt hại tài sản nhưng không yêu cầu các bị cáo bồi thường về dân sự.

* Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 106/2024/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

1. Về hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Phan Đức D, Phạm Đăng K, Ngô Trọng N1, Nguyễn Tấn T phạm tội “ Gây rối trật tự công cộng”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, 38, 58, 91, 101 Bộ luật Hình sự. Riêng đối với bị cáo Phan Đức D áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Điều 291, 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử: Phạt bị cáo Phan Đức D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành hình phạt tù.

Xử: Phạt bị cáo Nguyễn Tấn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành hình phạt tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, 38, 56, 58, 91, 101 Bộ luật Hình sự. Điều 291, 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử: Phạt bị cáo Phạm Đăng K 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội “ Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt 01(một) năm 06 (sáu) tháng tù của bản án số 47/2024/HS-ST ngày 27/5/2024 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Buộc bị cáo Phạm Đăng K phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 03(ba) năm 03(ba) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 09/01/2024.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, 38, 58 Bộ luật Hình sự. Điều 291, 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử: Phạt bị cáo Ngô Trọng N1 02 (hai) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành hình phạt tù.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với 08 bị cáo khác, quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/10/2024, bị cáo Ngô Trọng N1 kháng cáo một phần bản án hình sự sơ thẩm số: 106/2024/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang, đề nghị cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

Ngày 10/10/2024, bị cáo Nguyễn Tấn T kháng cáo một phần bản án hình sự sơ thẩm số: 106/2024/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang, đề nghị cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

Ngày 02/10/2024, bị cáo Phan Đức D kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số: 106/2024/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang, cho bị cáo được hưởng án treo.

Ngày 02/10/2024, bà Đào Thị Thu H1 là người đại diện hợp pháp của bị cáo bị cáo Phạm Đăng K kháng cáo toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số: 106/2024/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo các bị cáo D, K, N1, T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo Phan Đức D thống nhất về tội danh và điều luật áp dụng. Tuy nhiên cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt đối với bị cáo D là nặng vì bị cáo D là người chưa thành niên, bị cáo H3 là người đã thành niên nhưng cùng xử 2 năm 6 tháng tù, đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo D. Bị cáo D chưa có tiền án, tiền sự, học vấn thấp, nhận thức pháp luật còn hạn chế, gia đình thuộc hộ cận nghèo, có nơi cư trú rõ ràng. Đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo và giảm nhẹ hình phạt.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo T cũng thống nhất với tội danh và điều luật áp dụng, nhưng án sơ thẩm chưa áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự vì ông bà nội của bị cáo là người có công cách mạng được tặng thưởng huân chương. Tuy nhiên bản thân bị cáo có trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật có phần hạn chế, phạm tội lần đầu. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Sau khi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang xác định đơn kháng cáo của các bị cáo là hợp lệ. Về tội danh và điều luật áp dụng các bị cáo đúng quy định, hình phạt án sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là tương xứng. Các bị cáo kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo là không có căn cứ. Sau cùng Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, 356 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi và quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, các bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Ngô Trọng N1, Phan Đức D, Nguyễn Tấn T và đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Đăng K về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận về hành vi mà các bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; người làm chứng, vật chứng thu giữ, cùng các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ kết luận: Vào khoảng 22 giờ ngày 10/8/2023 tại quán giải khát không tên của chị Đoàn Thị Huyền T5 thuộc khu phố C, phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang là trung tâm phường B của thị xã C, nơi tập trung đông dân cư, có nhiều người đang có mặt tại quán nước và người dân sinh sống xung quanh. Các bị cáo Lê Tấn H3, Phan Đức D, Nguyễn Phước L1, Phạm Đăng K, Nguyễn Minh S, Nguyễn Thành L2, Nguyễn Hải H4, Ngô Trọng N1, Lê Viết Huỳnh Phúc K2, Trương Thái D2, Đỗ Chí B, Nguyễn Tấn T đã có hành vi sử dụng xe mô tô và dùng hung khí là cây gỗ đánh nhau, giúp sức cho nhau gây rối trong khoảng không gian từ 30 đến 40 mét, thời gian khoảng 10 phút gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội, làm cho những người dân có mặt tại hiện trường và người dân sinh sống xung quanh hoang man, lo sợ. Quá trình đánh nhau, các bị cáo đã làm hư hỏng tài sản của quán nước với thiệt hại là 160.000 đồng. Xét lời thừa nhận tội của các bị cáo là phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, lời khai người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã nêu; nên Hội đồng xét xử sơ thẩm đã có đủ căn cứ để kết luận các bị cáo Phan Đức D, Phạm Đăng K, Ngô Trọng N1, Nguyễn Tấn T phạm tội “ Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Xét, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội, mà còn xâm phạm đến sức khỏe, quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; gây tâm lý hoang mang, lo sợ cho quần chúng nhân dân nơi tập trung đông dân cư. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đủ khả năng nhận thức hành vi của mình là hành vi vi phạm pháp luật và sẽ bị xử phạt nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố

ý, thể hiện sự xem thường pháp luật. Do đó, cần phải xử phạt nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình, xã hội và răn đe, phòng ngừa chung.

[3] Tại phiên tòa các bị cáo đều tỏ thái độ thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải hành vi của mình gây ra. Từ những nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt:

- Bị cáo Phan Đức D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù theo quy định điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, 38, 58, 91, 101 Bộ luật Hình sự. Điều 291, 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Bị cáo Nguyễn Tấn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù theo quy định điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, 38, 58, 91, 101 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Phạm Đăng K 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù theo quy định điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, 38, 56, 58, 91, 101 Bộ luật Hình sự. Điều 291, 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Bị cáo Ngô Trọng N1 02 (hai) năm tù theo quy định điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, 38, 58 Bộ luật Hình sự. Điều 291, 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

Mức hình phạt cấp sơ thẩm đã xử là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, đồng thời Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đến tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo: đối với bị cáo Phan Đức D là người chủ mưu, khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác mục đích đi đánh nhau, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự và bị cáo D, K, N1 cũng là người trực tiếp thực hiện tội phạm. Bị cáo Phạm Đăng K cũng là người rủ rê các bị cáo khác mục đích đi đánh nhau, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Ngoài ra bị cáo Phạm Đăng K phải chấp hành bản án số 47/2024/HS-ST ngày 27/5/2024 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang, xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo D, K, N1 không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ để Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với bị cáo Nguyễn Tấn T khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên, nhận thức pháp luật có phần hạn chế, khi đang đứng chơi thì thấy Đỗ Chí B là người quen nên bộc phát chạy theo, bị cáo không trực tiếp tham gia vào đập phá. Xét thấy, trong vụ án này, bị cáo T là người có vai trò không đáng kể; sau khi phạm tội có thái độ thành khẩn khai báo, thật sự ăn năn hối cải, ông nội và bà nội của bị cáo là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất, nhưng án sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 bộ luật hình sự cho bị cáo. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Ngoài ra, theo xác nhận thì bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nghề nghiệp ổn định. Căn cứ vào quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự

và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 23/3/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP và hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo thì bị cáo đủ điều kiện để được hưởng án treo.

Từ nhận định như đã nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo T, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo D, K, N1; sửa một phần bản án sơ thẩm.

[4] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Xét lời đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Phan Đức D đề nghị hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo là không có căn cứ, không được hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét lời đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tấn T đề nghị hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng án treo có căn cứ được hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

[8] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tấn T.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Phan Đức D, Phạm Đăng K, Ngô Trọng N1.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 106/2024/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên xử:

1. Về hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Phan Đức D, Phạm Đăng K, Ngô Trọng N1, Nguyễn Tấn T phạm tội “ Gây rối trật tự công cộng”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, 38, 58, 91, 101 Bộ luật Hình sự . Điều 291, 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử: Phạt bị cáo Phan Đức D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành hình phạt tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, 38, 56, 58, 91, 101 Bộ luật Hình sự. Điều 291, 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử: Phạt bị cáo Phạm Đăng K 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội “ Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt 01(một) năm 06 (sáu) tháng tù của bản án số 47/2024/HS-ST ngày 27/5/2024 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Buộc bị cáo Phạm Đăng K phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 03(ba) năm 03(ba) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 09/01/2024.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, 38, 58 Bộ luật Hình sự. Điều 291, 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử: Phạt bị cáo Ngô Trọng N1 02 (hai) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành hình phạt tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, 38, 58, 91, 101 Bộ luật Hình sự; Căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử: Phạt bị cáo Nguyễn Tấn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Tấn T cho Ủy ban nhân dân xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Tấn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Nguyễn Tấn T cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo Phan Đức D, Phạm Đăng K, Ngô Trọng N1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Tấn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án. Án tuyên vào lúc 9 giờ ngày 20/01/2025 có mặt các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Tiền Giang;
- Trại tạm giam CA tỉnh Tiền Giang;
- Phòng KTNV và THA (TAT);
- TAND thị xã C;
- VKSND thị xã C;
- Công an thị xã C;
- THADS thị xã C;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lâm Ngọc Tuyên